TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2017
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông: Nguyễn Ánh Dương.
*** Các Hội thẩm nhân dân:**
1. Ông Đào Xuân Hải.
2. Ông Đinh Công Mỹ.

**** Thư ký phiên toà:*** Bà Đoàn Thị Oanh – Thư ký Toà án nhân huyện Tân Yên.

**** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bộ– Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2017/TLST -HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2017/QĐST – HNGĐ ngày 18/9/2017(Ấn định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Tạ Thị D, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn G, xã Song V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H - sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/8/2017 của nguyên đơn là chị Tạ Thị D và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quang H trước khi kết hôn có tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2004 tại UBND xã L, huyện T. Sau khi kết hôn chị về làm dâu nhà anh H và chung sống cùng bố mẹ chồng, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Anh H cho rằng chị có quan hệ ngoại tình và đánh chửi, xúc phạm chị nhiều lần. Ngày 08/8/2017 giữa chị và anh H xảy ra cãi nhau vì anh H nghi chị ngoại tình nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 21/3/2007 đang ở với chị D. Khi ly hôn chị D xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở và quyền sử dụng đất: chị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Quang H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Ngày 15/8/2017 tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 233/TB-TLVA, ngày 15/8/2017 cho anh Nguyễn Quang H. Ngày 29/8/2017 tiến hành tống đạt và lập biên bản tống đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 09/QĐ-CCTLCC, ngày 28/8/2017 đối với anh Nguyễn Quang H về Thông báo yêu cầu giao nộp văn bản trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ và giấy triệu tập. Ngày 01/9/2017 tiến hành tống đạt và lập biên bản tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 233/TB-TA ngày 01/9/2017 đối với anh Nguyễn Quang H. Ngày 05/9/2017 tiến hành tống đạt và lập biên bản tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 233/TB-TA ngày 05/9/2017 đối với anh Nguyễn Quang H. Ngày 07/9/2017 Tòa án đã tiến hành tống đạt và lập biên bản tống đạt đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/9/2017 của TAND huyện T đối với anh Nguyễn Quang H. Ngày 18/9/2017 Tòa án đã tiến hành tống đạt và lập biên bản tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 18/9/2017 của TAND huyện T đối với anh Nguyễn Quang H. Anh Nguyễn Quang H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Quang H không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh Nguyễn Quang H là bị đơn.

Tại biên bản làm việc ngày 29/8/2017 của Tòa án đối với ông Nguyễn Quang T là bố đẻ anh Nguyễn Quang H thì được biết: Chị Tạ Thị D tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Quang H ngày 28/12/2004 tại UBND xã L, huyện T và chị D về làm dâu nhà ông T. Thời gian đầu chị D, anh H chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 21/3/2007. Vợ chồng chị D, anh H phát sinh mâu thuẫn do chị D có quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến chồng con, vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Vợ chồng chị D, anh H ly thân với nhau từ ngày 08/8/2017. Chị D bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng chị D, anh H không thể đoàn tụ vợ chồng được. Về con chung thì chị D hoặc anh H nuôi con đều được. Về tài sản chung, công nợ không đề nghị xem xét. Mọi văn bản tố tụng của Tòa án ông T đã giao lại cho con trai là anh Nguyễn Quang H.

Toà án đã mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí và anh Hợi không có mặt để thỏa thuận việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, anh Nguyễn Quang H vắng mặt, chị Tạ Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến và không thoả thuận được với nhau việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 144; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

Con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 21/3/2007 cho chị Tạ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Tạ Thị D phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với chị Tạ Thị D, anh Nguyễn Quang H nhưng anh H vắng mặt, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Tạ Thị D, anh Nguyễn Quang H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Anh H cho rằng chị D có quan hệ ngoại tình và đánh chửi, xúc phạm chị D nhiều lần. Giữa chị D, anh H không còn quan tâm đến nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị D, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Tạ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Quang H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị D, anh H có 01 con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 21/3/2007 do chị D đang nuôi dưỡng, xét theo nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng của hai bên thấy rằng: Hiện nay chị D, anh H đều đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em và việc giải quyết về nuôi dưỡng con chung trong vụ án này cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nguyễn Thị Vân A ổn định, phát triển. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Vân A đang ở ổn định với chị D và là con gái tuổi còn nhỏ, không thể thiếu sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, mẹ đẻ chị D làm đơn cam kết gửi Tòa án, trong đó có nội dung sẽ hỗ trợ mọi mặt về vật chất, chỗ ở 360m2 tại: Thôn Giếng, xã S, huyện T

để chị D nuôi con. Để ổn định về tâm sinh lý và để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định về điều kiện, môi trường sống của cháu Nguyễn Thị Vân A nên căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị Dung và giao cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 21/3/2007 cho chị Tạ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của cháu Vân A và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Vân A. Anh Nguyễn Quang H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: do chị D, anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở và quyền sử dụng đất: chị D, anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Tạ Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Điều 51; Điều 56; khoản 1 khoản 2 Điều 81; khoản 1 khoản 3 Điều 82; khoản 1 khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 21/3/2007 cho chị Tạ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quang H được quyền thăm nom con. Chị D và các thành viên gia đình không ai được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Tạ Thị D, anh Nguyễn Quang H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở và quyền sử dụng đất: Chị Tạ Thị D, anh Nguyễn Quang H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

5. Án phí:

Chị Tạ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0003837 ngày 15/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang; chị Tạ Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương